

BÁO CÁO PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN CỦA DOANH NGHIỆP

REPORT FOR FINANCIAL MANAGEMENT AND FINANCIAL STATEMENTS USED IN ACCOUNTING OF THE ENTERPRISES

Phan Ngọc Nhã

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu việc trình bày của hai loại báo cáo trong doanh nghiệp là báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính và báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán, trên cơ sở đó tìm hiểu về sự khác biệt của hai loại báo cáo này. Đó là sự khác biệt về thời điểm lập, mục tiêu, nội dung ý nghĩa, chức vụ quản lý, căn cứ, phương pháp lập và đối tượng sử dụng thông tin nhưng cùng chung mục tiêu là tối ưu hóa hoạt động doanh nghiệp.

Từ khóa: báo cáo tài chính; kế toán tài chính; quản trị tài chính; sự khác biệt, doanh nghiệp,...

Abstract:

The study presents two types of reports used in enterprises, which are reports for financial management and financial statements used in accounting, on that basis, learn about the difference between these two types of reports. That is the difference in the time of establishment, goals, meaningful content, management positions, bases, methods of preparation and objects of information use, but the same goal is to optimize business operations.

Keywords: Annual financial; Financial accounting; financial management; difference, enterprises,...

ThS. Phan Ngọc Nhã

Khoa Kinh tế - Trường ĐHXD Miền Tây

Email: phanngocnha@mtu.edu.vn

ĐT: 0987 140 239

Ngày nhận bài: 01/6/2022

Ngày gửi phản biện: 02/6/2022

Ngày chấp nhận đăng: 09/6/2022

1. Giới thiệu

Đối với mỗi doanh nghiệp, định kỳ hoặc thường xuyên sẽ có các loại báo cáo được lập từ các bộ phận khác nhau, để cung cấp thông tin bên trong hoặc bên ngoài của doanh nghiệp, tất cả đều chung mục tiêu cuối cùng là tối ưu hóa hoạt động doanh nghiệp. Trong đó, báo cáo tài chính là công cụ quan trọng cung cấp thông tin tình hình tài chính của doanh nghiệp, làm cơ sở ra quyết định quản lý phù hợp và hiệu quả. Tùy thuộc vào bộ phận lập, đối tượng và mục đích sử dụng mà doanh nghiệp có yêu cầu loại báo cáo khác nhau, bao gồm báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán và báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính.

Nội dung bài viết tập trung giới thiệu về hai loại báo cáo này trong doanh nghiệp, phân tích vào đối tượng sử dụng thông tin của báo cáo, mục tiêu lập báo cáo,... để tìm hiểu về sự khác biệt của báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính và báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán của doanh nghiệp.

2. Nội dung**2.1. Báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán còn gọi là hệ thống báo cáo tài chính: Theo khoản 1 điều 3 Luật Kế toán ban hành năm 2015 thì “Báo cáo tài chính là hệ thống thông tin kinh tế, tài chính của đơn vị kế toán được trình bày theo biểu mẫu quy định tại chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán”; tại khoản 1 điều 97 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng nêu rõ “Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế”.

Như vậy, Báo cáo tài chính dùng để tổng hợp và thuyết minh về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Cụ thể:

(1) Bảng cân đối kế toán (Bảng CĐKT) là Báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn vốn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định.

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến			Báo cáo tài chính riêng	
7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam			Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.142.353.569.244	3.346.961.337.016
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	489.639.496.835	528.921.152.330
111	1. Tiền		178.239.496.835	179.466.152.330
112	2. Các khoản tương đương tiền		311.400.000.000	349.455.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	433.000.000.000	391.344.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		433.000.000.000	391.344.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.298.702.443.671	1.441.442.846.075
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	978.077.984.753	1.104.540.673.009
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	273.045.779.120	240.783.840.031
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	07	283.078.094	26.864.907.614
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	08	42.000.000.000	61.000.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	09	7.834.166.812	8.253.425.421
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.538.565.108)	-
140	IV. Hàng tồn kho	11	709.759.259.022	879.618.180.801
141	1. Hàng tồn kho		711.661.874.339	880.489.763.515
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.902.615.317)	(871.582.714)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		211.252.369.716	105.635.157.810
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	161.191.111	203.104.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		177.631.298.978	105.422.821.805
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	33.459.879.627	9.231.720
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		812.789.689.535	787.700.960.693
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		59.278.141.327	59.218.141.327
213	1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	07	10.997.912.077	10.997.912.077
216	2. Phải thu dài hạn khác	09	48.280.229.250	48.220.229.250
220	II. Tài sản cố định		425.698.812.432	470.801.549.520
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	424.513.087.577	468.500.504.277
222	- Nguyên giá		1.375.932.177.920	1.354.975.541.706
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(951.419.090.343)	(886.475.037.429)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	1.185.724.855	2.301.045.243
228	- Nguyên giá		11.370.902.605	9.760.780.255
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.185.177.750)	(7.459.735.012)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	62.811.818.181	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		62.811.818.181	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	228.743.247.137	221.301.532.040
251	1. Đầu tư vào công ty con		50.480.100.000	50.480.100.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		150.746.241.354	138.006.241.354
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		49.208.570.000	49.208.570.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(21.691.664.217)	(16.393.379.314)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		36.257.670.458	36.379.737.806
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	36.257.670.458	36.379.737.806
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.955.143.258.779	4.134.662.297.709

(Nguồn: Công ty CP May Việt Tiến)

Hình 1a. Minh họa Bảng CĐKT năm 2021 - phần Tài sản

Số liệu trên Bảng CĐKT cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu của tài sản và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Phụ lục 2 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về mẫu Bảng CĐKT trình bày chi tiết với hơn 80 chỉ tiêu về tài sản và nguồn vốn trong doanh nghiệp nhưng nếu chỉ tiêu không có số liệu thì không phải trình bày trên Bảng CĐKT, doanh nghiệp chủ động đánh lại số thứ tự của các chỉ tiêu theo nguyên tắc liên tục trong mỗi phần nhưng không được thay đổi mã số của từng chỉ tiêu theo quy định.

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.732.606.052.304	2.911.334.499.918
310	I. Nợ ngắn hạn		2.705.557.135.554	2.880.979.546.668
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	1.796.967.316.879	1.826.111.448.195
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	142.148.286.562	141.375.015.149
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	8.066.809.724	12.403.625.826
314	4. Phải trả người lao động		241.536.271.509	320.969.959.749
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	19.786.726.637	11.969.634.281
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	23	6.195.980.323	10.143.771.881
318	7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		4.180.822.379	4.369.059.183
319	8. Phải trả ngắn hạn khác	20	51.921.387.207	129.699.926.827
320	9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	41.300.718.040	9.999.194.517
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi		393.452.816.294	413.937.911.060
330	II. Nợ dài hạn		27.048.916.750	30.354.953.250
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	100.000.000	100.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	22	26.948.916.750	30.254.953.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.222.537.206.475	1.223.327.797.791
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	1.222.537.206.475	1.223.327.797.791
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		441.000.000.000	441.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		441.000.000.000	441.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.469.859.758	24.469.859.758
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.693.895.152	1.693.895.152
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		659.736.399.914	659.736.399.914
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95.637.051.651	96.427.642.967
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.227.642.967	14.222.894.983
421b	LNST chưa phân phối năm nay		87.409.408.684	82.204.747.984
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.955.143.258.779	4.134.662.297.709

(Nguồn: Công ty CP May Việt Tiến)

Hình 1b. Minh họa Bảng CĐKT năm 2021 - phần Nguồn vốn

(2) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (KQHKD): Phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả từ hoạt động kinh doanh chính, kết quả từ các

hoạt động tài chính và hoạt động khác của doanh nghiệp. Báo cáo KQHĐKD nhiều nhất là 19 chỉ tiêu, chia thành 5 cột.

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam			Báo cáo tài chính riêng Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG Năm 2021				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	6.008.170.786.793	7.120.857.573.371
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	1.650.607.368	2.278.061.311
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.006.520.179.425	7.118.579.512.060
11	4. Giá vốn hàng bán		5.579.565.088.452	6.584.637.286.681
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		426.955.090.973	533.942.225.379
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	98.600.144.718	130.948.401.979
22	7. Chi phí tài chính	29	30.335.132.774	23.298.554.479
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	30	212.113.099.629	274.465.963.024
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	185.083.702.552	196.785.152.004
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		98.023.300.736	170.340.957.851
31	11. Thu nhập khác		3.391.411.383	693.472.173
32	12. Chi phí khác		1.061.961.206	380.785.537
40	13. Lợi nhuận khác		2.329.450.177	312.686.636
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		100.352.750.913	170.653.644.487
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	12.943.342.229	21.190.466.335
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		87.409.408.684	149.463.178.152
Nguyễn Bích Thủy Người lập		Nguyễn Trâm Anh Kế toán trưởng	Bùi Văn Tiến Tổng Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022	

(Nguồn: Công ty CP May Việt Tiến)

Hình 2. Minh họa Báo cáo KQHĐKD năm 2021

(3) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (LCTT): Theo chuẩn mực số 24 của Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam “Báo cáo LCTT là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính, nó cung cấp thông tin giúp người sử dụng đánh giá các thay đổi trong tài sản thuần, cơ cấu tài chính, khả năng chuyển đổi của tài sản thành tiền, khả năng thanh toán và khả năng của doanh nghiệp trong việc tạo ra các luồng tiền trong quá trình hoạt động”.

Có hai phương pháp lập Báo cáo LCTT là phương pháp trực tiếp và phương pháp gián tiếp.

Nội dung của Báo cáo LCTT trình bày đầy đủ luồng tiền vào và luồng tiền ra của hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG Năm 2021 (Theo phương pháp gián tiếp)				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		100.352.750.913	170.653.644.487
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		86.335.013.473	87.069.051.065
04	- Các khoản dự phòng		5.561.846.114	(197.526.115)
05	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.375.089.860	1.483.645.590
06	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(54.666.124.730)	(86.834.795.742)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		138.958.575.630	172.174.019.285
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		16.418.484.776	253.819.671.242
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		168.827.889.176	169.597.508.557
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(93.813.259.704)	(297.602.035.326)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		163.980.522	5.138.663.363
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.791.125.407)	(12.130.260.255)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.553.615.871)	(19.521.474.293)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		189.210.929.122	271.476.092.573
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(102.783.669.955)	(60.376.647.275)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		477.718.182	413.417.071
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(318.000.000.000)	(588.916.500.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		295.344.000.000	204.572.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.740.000.000)	(4.323.600.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		53.317.633.988	82.683.275.150
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(84.384.317.785)	(365.947.555.054)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		42.317.080.000	77.297.619.140
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(11.015.556.477)	(77.645.146.560)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(176.038.221.600)	(88.561.778.400)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(144.736.698.077)	(88.909.305.820)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.910.086.740)	(183.380.768.301)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		528.921.152.330	712.581.757.170
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		628.431.245	(279.836.539)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	489.639.496.835	528.921.152.330
Nguyễn Bích Thủy Người lập		Nguyễn Trâm Anh Kế toán trưởng	Bùi Văn Tiến Tổng Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2022	

(Nguồn: Công ty CP May Việt Tiến)

Hình 3. Minh họa Báo cáo LCTT năm 2021

(4) Thuyết minh báo cáo tài chính (BCTC): Là một bộ phận hợp thành không thể tách rời trong

hệ thống BCTC của doanh nghiệp, dùng để mô tả mang tính tường thuật hoặc phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong Bảng CĐKT, Báo cáo KQHĐKD, Báo cáo LCTT cũng như các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của các chuẩn mực kế toán cụ thể. Bên cạnh đó, Thuyết minh BCTC cũng có thể trình bày những thông tin khác nếu doanh nghiệp xét thấy cần thiết cho việc trình bày trung thực, hợp lý BCTC.

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.892.942.109.954	7.019.890.919.429
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	115.228.676.839	100.966.653.942
	<u>6.008.170.786.793</u>	<u>7.120.857.573.371</u>
27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.650.607.368	2.278.061.311
	<u>1.650.607.368</u>	<u>2.278.061.311</u>
28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	18.156.295.867	10.691.928.371
Cổ tức, lợi nhuận được chia	35.581.237.341	75.729.450.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	44.862.611.510	44.527.023.308
	<u>98.600.144.718</u>	<u>130.948.401.979</u>
29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.966.149.745	18.289.330.335
Dự phòng tổn thất đầu tư	5.298.284.903	754.567.530
Chi phí tài chính khác	1.070.698.126	4.254.656.614
	<u>30.335.132.774</u>	<u>23.298.554.479</u>
30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	41.237.139.083	55.626.377.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.221.749.665	106.382.365.033
Chi phí khác bằng tiền	82.654.210.881	112.457.220.167
	<u>212.113.099.629</u>	<u>274.465.963.024</u>
31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	100.075.938.706	103.418.176.419
Chi phí khác bằng tiền	85.007.763.846	93.366.975.585
	<u>185.083.702.552</u>	<u>196.785.152.004</u>

(Nguồn: Công ty CP May Việt Tiến)

Hình 4. Minh họa Thuyết minh BCTC năm 2021
- phần thông tin các khoản mục trình bày trong Báo cáo KQHĐKD

2.2. Báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính

Báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính (hay còn gọi là Báo cáo quản trị tài chính) là một báo cáo thuộc hệ thống báo cáo quản trị của doanh nghiệp, dựa trên thông tin của BCTC cung cấp để lập báo cáo này nhằm phục vụ nhu cầu bên trong nội bộ doanh nghiệp. Đây được xem như là nguồn dữ liệu để các nhà quản trị đưa ra các quyết định, định hướng chiến lược kinh doanh phù hợp.

Báo cáo quản trị tài chính là khái niệm có sau BCTC. Để xây dựng báo cáo này người lập sẽ thu thập dữ liệu từ các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp. Tổng hợp các thông tin cần thiết, sau đó trình bày nó một cách dễ hiểu, đầy đủ và có tính hệ thống giúp cung cấp cho các nhà quản trị toàn cảnh về doanh nghiệp ở từng khía cạnh, từng góc nhìn khác nhau. Từ đó, cho thấy được vị thế của doanh nghiệp: đang đứng ở đâu, tình trạng thế nào, tương lai phát triển ra sao?... là cơ sở định hướng giúp nhà quản trị có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với tình hình doanh nghiệp nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng trong kinh doanh.

Để có được Báo cáo quản trị tài chính thì người trực tiếp lập phải thực hiện theo quy trình xây dựng báo cáo quản trị. Đó là toàn bộ quá trình thu thập, phân tích và tổng hợp dữ liệu từ tất cả các bộ phận đang vận hành trong doanh nghiệp. Cụ thể thực hiện theo các bước sau:

- Xác định đối tượng, nhu cầu sử dụng thông tin: Người lập báo cáo tiếp nhận nhu cầu sử dụng thông tin từ cấp quản trị làm cơ sở xác định mục tiêu cơ bản của báo cáo. Cụ thể: xác định ai là người xem báo cáo, thông tin gì cần cung cấp, yêu cầu về thông tin như thế nào?...

Trường hợp cụ thể: Việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận do Đại hội đồng của doanh nghiệp quyết định. Thông tin và yêu cầu cần xác định là các khoản lợi nhuận, tỷ lệ trích các quỹ, chính sách chi trả cổ tức (minh họa hình 5).

- Xác định nội dung cần trình bày: Trên cơ sở đối tượng sử dụng và nhu cầu về thông tin đã được xác định, người lập tiến hành phân tích thông tin chính, thông tin phụ và phương pháp trình bày đảm bảo truyền tải hết các thông tin.

Trường hợp cụ thể: Nội dung cần trình bày về việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận là lợi nhuận trước thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế, trích lập các quỹ theo điều lệ (cụ thể từng quỹ), lợi nhuận năm trước còn lại, tổng lợi nhuận sẽ phân phối, số trả cổ tức và lợi nhuận giữ lại (minh họa hình 5).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN
Số: 01 / TT- HĐQT VT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
“ V / v Trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021 ”

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC và báo cáo thẩm tra báo cáo tài chính của Ban Kiểm soát.
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty cổ phần May Việt Tiến thông qua ngày 24/4/2021.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1/ Lợi nhuận trước thuế:	100.352.750.913 đ
2/ Thuế thu nhập doanh nghiệp:	12.943.342.229 đ
3/ Lợi nhuận sau thuế:	87.409.408.684 đ
4/ Trích lập các quỹ theo điều lệ:	39.334.233.908 đ
+ Quỹ đầu tư phát triển (20%)	17.481.881.737 đ
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	17.481.881.737 đ
+ Quỹ khen thưởng theo hiệu quả KD (5%)	4.370.470.434 đ
5/ Lợi nhuận năm 2021 còn lại sau khi trích quỹ:	48.075.174.776 đ
6/ Lợi nhuận năm 2020 còn lại sau khi chi trả cổ tức:	8.227.642.967 đ
7/ Tổng lợi nhuận 2020 chuyển sang và lợi nhuận 2021 còn lại sau khi trích quỹ	56.302.817.743 đ
8/ Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền (12%)	52.920.000.000 đ
9/ Lợi nhuận còn lại	3.382.817.743 đ

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nêu trên có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả thanh tra, kiểm tra quyết toán thuế năm 2021 của Cơ quan có thẩm quyền, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận còn lại để phân phối. Hội đồng quản trị sẽ báo cáo sự thay đổi này cho cổ đông trong thời gian gần nhất.

Xin trân trọng cảm ơn.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
MAY
VIỆT TIẾN
TP. HỒ CHÍ MINH - TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

(Nguồn: Công ty CP May Việt Tiến)

Hình 5. Minh họa việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2021

- Tiến hành thu thập dữ liệu: Nguồn thông tin có thể ở bên trong hoặc bên ngoài doanh nghiệp, sơ cấp hay thứ cấp nhưng người lập báo cáo cần có kế hoạch chi tiết để tập hợp được tất cả các thông tin cần sử dụng. Nguồn thông tin bên trong doanh nghiệp có thể từ bộ phận tài chính - kế toán, bộ phận nhân sự, bộ phận kinh doanh, bộ phận sản xuất hay một số bộ phận khác có liên quan. Nguồn thông tin bên ngoài như đối thủ cạnh tranh, các nhà cung cấp, chính sách của Nhà nước liên quan

đến chiến lược phát triển ngành nghề hoặc lĩnh vực liên quan của doanh nghiệp,...

Trường hợp cụ thể: Để thu thập dữ liệu cung cấp việc trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận, các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế được tập hợp từ Báo cáo KQHĐKD, tỷ lệ trích các quỹ, trả cổ tức và lợi nhuận giữ lại được thu thập từ nghị quyết Hội đồng quản trị (minh họa hình 5).

- Xử lý và phân tích thông tin: Từ những thông tin đã tổng hợp được, người lập báo cần áp dụng phương pháp phù hợp, cần có kỹ năng để sử dụng các công cụ xử lý và phân tích giúp tạo ra báo cáo với nội dung cần thiết. Vì vậy người lập báo cáo này yêu cầu phải có tầm nhìn, kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn vững chắc.

Trường hợp cụ thể: Xây dựng dự toán khi lập kế hoạch tài chính có thể sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính, phương pháp tài chính thông qua các chỉ tiêu đặc trưng (các chỉ số tài chính của đơn vị hoặc của ngành), phương pháp phần trăm (%) trên doanh thu hay phương pháp dựa vào chu kỳ vận động của vốn. Việc lựa chọn phương pháp nào tùy vào đặc trưng ngành nghề của đơn vị và khả năng của người lập báo cáo.

- Lập và trình bày báo cáo: Người lập báo cáo sẽ diễn giải và truyền đạt thông tin bằng bảng báo cáo cụ thể. Việc trình bày báo cáo không cố định khuôn mẫu chung, tùy vào nhu cầu mà người lập sẽ tham khảo và tùy chỉnh sao cho phù hợp nhưng phải đảm bảo ngắn gọn, xúc tích, rõ ràng, dễ xem và dễ hiểu.

Trường hợp cụ thể: Khi xây dựng các phương án bổ sung nguồn vốn lưu động cho kỳ kế tiếp người lập sử dụng phương pháp phần trăm (%) doanh thu để lập Bảng CĐKT. Thông tin trên Bảng CĐKT không cần trình bày đầy đủ như BCTC trong kế toán, yêu cầu các chỉ tiêu cơ bản cần phải có và chỉ tiêu thể hiện phương án được đề xuất là quan trọng nhất. Ví dụ: sau khi tính toán cho thấy nhu cầu vốn lưu động cần bổ sung là 2,5 tỷ đồng, người lập sẽ đề xuất nhà quản trị nhiều phương án lựa chọn như: Phát hành cổ phiếu, phát hành trái phiếu, vay từ ngân hàng hoặc các tổ chức tài chính,...

Việc thể hiện giải pháp bổ sung vốn lưu động

bằng cách tăng nợ phải trả bằng vay ngắn hạn ngân hàng thì khoản mục cần chi tiết là khoản vay ngân hàng trên Bảng CĐKT còn các chỉ tiêu khác chỉ cần thể hiện tóm tắt hoặc tổng quát.

- Lưu trữ và kiểm soát: Công dụng của Báo cáo quản trị tài chính gắn với chức năng quản trị, trong đó chức năng giám sát thể hiện trong việc lưu trữ và kiểm soát các báo cáo. Mặt khác, báo cáo này được xem là tài liệu mật tối cao trong mỗi doanh

nh nghiệp, phạm vi công bố cũng cần phải được quy định và xác lập từ trước. Và sau đó thì việc lưu trữ và kiểm soát báo cáo là một công việc quan trọng cần nhân sự chuyên trách uy tín cho công việc này.

2.3. Phân biệt hai loại báo cáo tài chính

Việc phân biệt Báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính và Báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán tài chính cho thấy rõ sự khác biệt về công dụng và phương pháp lập các báo cáo này.

Bảng 1: Phân biệt hai loại báo cáo

	Quản trị tài chính	Kế toán tài chính
Thời điểm lập	Trước khi hoạt động kinh tế diễn ra	Sau khi các hoạt động kinh tế hoàn thành
Mục tiêu	Lựa chọn giải pháp tối đa hóa lợi nhuận, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp	Phản ánh kết quả hoạt động của doanh nghiệp
Nội dung và ý nghĩa	Phản ánh các nội dung cần thông tin để ra quyết định	Phản ánh chi tiết các nội dung theo hướng dẫn
Chức vụ quản lý	Giám đốc tài chính - Quản lý nguồn lực tài chính	Kế toán trưởng - Quản lý tác nghiệp kế toán
Căn cứ	Dựa trên những BCTC từ kế toán trưởng để đưa ra những phân tích và kế hoạch sử dụng tài chính vào mục đích sản xuất kinh doanh cũng như các quyết định đầu tư hợp lý	Dựa trên công tác thống kê và kế toán theo các quy định của pháp luật để lập BCTC theo mẫu hướng dẫn
Phương pháp lập	Sử dụng những công cụ, mô hình tài chính để nhằm mục đích tối đa hóa việc sử dụng vốn hiệu quả và tối đa hóa lợi nhuận, tối ưu giá trị cho doanh nghiệp	Theo hướng dẫn của chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành
Đối tượng	Các nhà quản trị trong nội bộ doanh nghiệp như: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, nhà quản trị cấp cao, nhà quản trị cấp trung hay cho đến nhà quản trị cấp cơ sở.	Các nhà quản trị doanh nghiệp và các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như: Nhà đầu tư, Cơ quan thuế, Cơ quan tài chính, Ngân hàng, Cơ quan thống kê,...

3. Kết luận

Báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính và Báo cáo tài chính sử dụng trong kế toán là hai loại báo cáo hoàn toàn khác nhau. Trên thực tế đã có sự nhầm lẫn giữa Báo cáo phục vụ công tác quản trị tài chính này với hệ thống báo cáo tài chính trong

kế toán của doanh nghiệp là giống nhau. Để hiểu rõ, hiểu đúng và đầy đủ kiến thức liên quan đến hai loại báo cáo này, bài viết đã trình bày từng loại báo cáo, minh họa một số trường hợp cụ thể bằng thực tiễn, phân tích những điểm khác biệt cho thấy rõ hơn tính chất, vai trò và tầm quan trọng của từng loại báo cáo trong doanh nghiệp./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015;
- [2]. Bộ Tài chính, Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22 tháng 12 năm 2014;
- [3]. Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng, Giáo trình kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB. Tài chính, 2020;
- [4]. Nguyễn Trung Trực, Phạm Thị Phương Loan, Đặng Thị Trường Giang, Lại Cao Mai Phương, Phạm Thị Bích Thảo, Giáo trình Quản trị tài chính, NXB. Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 2015.